

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên dự án/ dự toán mua sắm: Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã Cầu Kè giai đoạn 2026-2028 và Vận hành Bãi rác huyện Cầu Kè giai đoạn 2026-2028;

- Địa điểm thực hiện: xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long;

- Tên chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Cầu Kè;

- Nguồn vốn: Ngân sách xã và Nguồn thu giá dịch vụ;

- Thời gian thực hiện: năm 2026 – năm 2028;

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn xã Cầu Kè giai đoạn 2026-2028;

- Nội dung công việc gói thầu: Thực hiện công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và thu giá dịch vụ trên địa bàn xã Cầu Kè, giai đoạn 2026 – 2028;

- Địa điểm thực hiện: trên địa bàn xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 36 tháng;

- Giá gói thầu được duyệt: 3.755.041.392

Trong đó:

- *Nguồn thu giá dịch vụ: 2.207.070.000 đồng.*

- *Ngân sách xã: 1.547.971.392 đồng.*

- Nguồn vốn: Ngân sách xã và nguồn thu giá dịch vụ;

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

2. Mục tiêu công việc:

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn, thực hiện đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn; thúc đẩy phân loại chất thải rắn tại nguồn với phòng ngừa và giảm thiểu phát sinh chất thải rắn trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, hạn chế, giảm thiểu tối đa lượng chất thải rắn phát sinh, góp phần bảo vệ sức khỏe con người, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

- Xây dựng hệ thống quản lý chất thải rắn theo các nguyên tắc: CTRSH phát sinh sẽ được phân loại, thu gom và vận chuyển về khu vực xử lý theo đúng quy định nhằm hạn chế và giảm thiểu đến mức thấp nhất việc gây ô nhiễm môi trường do rác thải gây ra.

- Khai thác tốt nguồn thu giá dịch vụ sử dụng và tính đúng, tính đủ chi phí thực hiện nhằm giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

- Quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải từng bước hướng đến đảm bảo theo nguyên tắc: Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng

lợi có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động này; đối tượng gây ô nhiễm, suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Quy định cụ thể chức năng và nhiệm vụ cho từng đơn vị/tập thể thực hiện.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đảm bảo $\geq 80\%$ hộ dân tham gia dịch vụ thu gom.
- Đảm bảo điểm tập kết đạt chuẩn vệ sinh; đảm bảo các tuyến đường liên xã, liên ấp, Quốc lộ, đường tỉnh đều được thu gom.
- Tai nạn lao động và sự cố môi trường liên quan thu gom – vận chuyển: 0 vụ nghiêm trọng.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ CTRSH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CẦU KÈ

3.1.1. Cơ chế, chính sách về quản lý chất thải rắn (CTR)

Trong giai đoạn 2023 – 2025, Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Kè, xã Hòa Ân và xã Châu Điền (Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè nói chung) đã tổ chức thực hiện các công tác bảo vệ môi trường theo chủ trương, chính sách của tỉnh Trà Vinh (cũ) phân công.

Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Cầu Kè giai đoạn 2023-2025. Tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng thực hiện theo quy định hiện hành, cụ thể:

- Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè về việc phê duyệt đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Cầu Kè – Giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè về việc phê duyệt dự toán thu gom, vận chuyển và thu giá dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Cầu Kè – Giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện của nhà thầu trong công tác thu gom và xử lý trong suốt thời gian đã qua. Tổ chức tuyên truyền thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các xã/thị trấn thuộc huyện Cầu Kè cũ.

Hiện tại, UBND xã Cầu Kè đã được UBND tỉnh Vĩnh Long thống nhất về chủ trương chuyển chủ đầu tư thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn còn lại của năm 2025 trên địa bàn xã quản lý¹.

3.1.2. Quy hoạch quản lý CTR

Tính đến thời điểm hiện tại, việc quản lý CTRSH được thực hiện theo hình thức xã hội hóa, cụ thể các đơn vị có đủ chức năng và năng lực đấu thầu tham gia thực hiện, theo đó các đơn vị này sẽ tổ chức thu giá dịch vụ các hộ dân, cơ sở sản

¹ Công văn số 2001/UBND-KTN ngày 20/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ quan,... và định kỳ báo cáo đến cơ quan chủ đầu tư trong suốt quá trình thực hiện. Cụ thể như sau:

Công tác thu gom, vận chuyển: trên địa bàn xã Cầu Kè do Công ty TNHH MTV Trương Đức Huy thực hiện². Toàn bộ lượng CTRSH trên địa bàn xã đều được thu gom, vận chuyển về Bãi rác huyện Cầu Kè³ xử lý.

Công tác xử lý: toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Cầu Kè nói riêng và các xã thuộc địa bàn huyện Cầu Kè (cũ) nói chung đều được vận chuyển về Bãi rác huyện Cầu Kè xử lý. Hình thức xử lý: xử lý đốt bằng lò đốt có công suất 500kg/giờ và vận hành bãi rác do HTX Xây dựng Môi trường Trà Vinh thực hiện⁴.

3.1.3. Thực trạng phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH

Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) trên địa bàn chủ yếu phát sinh tại hộ gia đình, công sở (cơ quan, trường học,...); khu công cộng (công viên, khu vui chơi giải trí,...). Trong những năm gần đây, khối lượng chất thải nhựa (CTN) phát sinh có xu hướng tăng. Sự gia tăng lượng CTN theo thời gian có liên quan đến xu thế phát triển kinh tế xã hội, nhu cầu và thói quen của người dân đối với tiêu dùng sản phẩm nhựa. Xu hướng sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, đặc biệt là dụng cụ ăn uống và đựng thực phẩm đã gia tăng nhanh chóng. Tỷ lệ chất thải bao bì, túi nilon trung bình tại bãi chôn lấp CTRSH chiếm khoảng từ 6 - 8%.

Thành phần hữu cơ dễ phân hủy sinh học (thực phẩm thừa, rác vườn...) chiếm tỷ lệ lớn nhất (52% - 72%) với độ ẩm rất cao (70% - 85%), cùng với nhiệt độ cao là nguyên nhân chính gây nên mùi hôi thối, phát sinh nước rỉ rác, làm ô nhiễm môi trường (đất, nước mặt, nước ngầm) trên diện rộng, đặc biệt là tại bãi chôn lấp do CTRSH bị phân hủy trong điều kiện kỵ khí và dưới tác dụng của vi sinh vật. Ngoài ra thành phần hữu cơ dễ phân hủy sinh học là môi trường thuận lợi cho sự phát triển và bìa carton, kim loại (để bán), chất thải thực phẩm (sử dụng cho chăn nuôi, ủ phân hữu cơ) để đáp ứng chỉ tiêu môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Các thành phần khác hầu hết không được phân loại mà để lẫn, bao gồm các thành phần có khả năng phân hủy và khó phân hủy như túi nilon, thủy tinh, cành cây, lá cây, hoa quả, xác động vật chết... Việc phân loại đem lại hiệu quả chưa cao, mang tính riêng lẻ, không đồng bộ, chưa được nhân rộng. Hoạt động tái chế, tái sử dụng CTRSH chưa phổ biến, chủ yếu được thực hiện tại một số hộ gia đình ở nông thôn và hoạt động tự phát tại bãi rác do đội ngũ thu nhặt phế liệu.

Nhìn chung, CTRSH chưa được phân loại ở các địa phương, hiện nay người dân chỉ lưu trữ những chất thải còn giá trị kinh tế để bán lại cho vựa ve chai mà không nhằm mục đích phân loại theo hình thức phân chia, tách các chất thải rắn (CTR) khó phân hủy sinh học ra khỏi CTR để phân hủy để giảm khối lượng chất

² Hợp đồng số 08/HĐ-TNMT ngày 19 tháng 03 năm 2021 giữa Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè với Công ty TNHH MTV Trương Đức Huy về việc thực hiện Gói thầu: Thu gom, vận chuyển và giá dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Cầu Kè, giai đoạn 2021-2025.

³ Bãi rác huyện Cầu Kè tọa lạc tại ấp Bà My, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long.

⁴ Hợp đồng số 05/HĐ-XLCTR ngày 29/6/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè và HTX Xây dựng Môi trường Trà Vinh.

thải rắn sinh hoạt được chôn lấp khi khối lượng chất thải rắn sinh hoạt ngày càng tăng, diện tích cho chôn lấp bị hạn chế.

Đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn xã Cầu Kè là Công ty TNHH MTV Trương Đức Huy (Hợp đồng số 08/HĐ-TNMT ngày 19 tháng 03 năm 2021). Theo nội dung Hợp đồng đã ký kết thì Công ty đã và đang thực hiện nội dung Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Cầu Kè giai đoạn 2021-2025. Cụ thể, đơn vị thu gom tiến hành thu gom CTRSH từ các hộ dân, cơ sở sản xuất kinh doanh chứa trong túi nilon đặt dọc các tuyến đường, CTRSH chứa trong các thùng rác công cộng, tiến hành quét dọn, vệ sinh các ngõ xóm.

Thực trạng thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn huyện Cầu Kè cũ: Để xác định khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn 4 xã sau khi sáp nhập là Cầu Kè, An Phú Tân, An Phú Tân và Tam Ngãi, đồng thời làm cơ sở cho công tác lập Phương án, Phòng Kinh tế các xã đã phối hợp cùng với các cơ quan ban ngành tại các địa phương, Công ty TNHH MTV Trương Đức Huy (đơn vị thu gom) tiến hành cân khối lượng CTRSH được thu gom tại trạm cân của Hợp tác xã Xây dựng – Môi trường Trà Vinh (đơn vị xử lý), cụ thể như sau:

Bảng 1. Tổng hợp khối lượng CTRSH được cân từ ngày 23/12/2025 đến 27/12/2025

Stt	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian		Biển số xe	Trọng lượng cân lần 1 (kg)	Trọng lượng cân lần 2 (kg)	Khối lượng rác (kg)
		Vào	Ra				
A	B	C	D	E	F	G	H = (G-F)
1	23/12/2025	06:55:31	07:08:31	61C- 21492	12.460	6.870	5.590
2	23/12/2025	11:26:23	11:40:48	61C- 21492	12.520	6.860	5.660
3	23/12/2025	15:05:31	15:12:12	61C- 21492	12.260	6.850	5.410
4	23/12/2025	18:42:26	18:52:12	61C- 21492	12.050	6.860	5.190
	Tổng						21.850
1	24/12/2025	07:23:40	07:35:14	61C- 21492	12.420	6.850	5.570
2	24/12/2025	11:03:20	11:28:25	61C- 21492	12.060	6.870	5.190
3	24/12/2025	15:12:24	15:17:08	61C- 21492	12.380	6.860	5.520
	24/12/2025	17:54:58	18:25:27	61C- 21492	12.280	6.860	5.420

Stt	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian		Biển số xe	Trọng lượng cân lần 1 (kg)	Trọng lượng cân lần 2 (kg)	Khối lượng rác (kg)	
		Vào	Ra					
A	B	C	D	E	F	G	H = (G-F)	
	Tổng						21.700	
1	25/12/2025	08:41:59	08:47:23	61C- 21492	12.370	6.870	5.500	
2	25/12/2025	11:24:47	11:33:43	61C- 21492	12.360	6.850	5.510	
3	25/12/2025	15:02:05	15:23:12	61C- 21492	12.520	6.870	5.650	
	25/12/2025	17:53:39	18:00:08	61C- 21492	12.050	6.860	5.190	
	Tổng						21.850	
1	26/12/2025	07:25:42	07:33:06	61C- 21492	12.520	6.870	5.650	
2	26/12/2025	10:41:42	10:49:38	61C- 21492	12.370	6.870	5.500	
3	26/12/2025	13:29:25	13:41:30	61C- 21492	12.260	6.850	5.410	
	26/12/2025	17:15:12	17:25:04	61C- 21492	12.470	6.860	5.610	
	Tổng						22.170	
1	27/12/2025	07:57:51	08:03:56	61C- 21492	12.520	6.860	5.660	
2	27/12/2025	11:37:19	11:54:13	61C- 21492	12.460	6.870	5.590	
3	27/12/2025	14:35:26	14:54:11	61C- 21492	12.160	6.850	5.310	
	27/12/2025	16:50:55	16:57:07	61C- 21492	12.420	6.860	5.560	
	Tổng						22.120	
I	Tổng cộng từ 23/12/2025 đến 27/12/2025							109.690
II	Trung bình 01 ngày (I/5)							21.938

Theo nội dung Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Cầu Kè giai đoạn 2021-2025, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom được tổng hợp như sau:

Bảng 2. Khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn huyện Cầu Kè giai đoạn 2021-2025

Stt	Đơn vị hành chính	Khối lượng rác thu gom (tấn)					Tỷ lệ%
		2021	2022	2023	2024	2025	
1	Xã Thạnh Phú	2,10	2,28	2,50	2,75	3,02	10,50%
2	Xã Thông Hòa	1,42	1,56	1,70	1,86	2,04	7,10%
3	Xã Hòa Ân	0,84	0,92	1,01	1,10	1,21	4,20%
4	Xã An Phú Tân	0,98	1,05	1,12	1,20	1,29	4,90%
5	Xã Tam Ngãi	1,50	1,62	1,75	1,89	2,05	7,50%
6	Xã Phong Thạnh	0,86	0,94	1,03	1,12	1,22	4,30%
7	Xã Châu Điền	0,95	1,18	1,28	1,40	1,52	4,75%
8	Thị trấn Cầu Kè	6,65	7,22	7,83	8,50	9,24	33,25%
9	Xã Ninh Thới	1,21	1,30	1,40	1,51	1,63	6,05%
10	Xã Phong Phú	1,94	2,04	2,19	2,35	2,53	9,70%
11	Xã Hòa Tân	1,54	1,67	1,80	1,95	2,11	7,75%
	Tổng cộng	20,00	21,77	23,61	25,63	27,84	100%

(Nguồn: Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Cầu Kè giai đoạn 2021-2025)

Dự báo khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn xã Cầu Kè

Căn cứ khối lượng CTRSH trên địa bàn huyện Cầu Kè cũ và dữ liệu tính toán tại Đề án được phê duyệt, đơn vị tư vấn áp dụng tỷ lệ rác thải phát sinh được thu gom trên địa bàn xã Cầu Kè trong ngày để làm cơ sở tính toán chi phí thực hiện, cụ thể như sau:

Bảng 3. Khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn xã Cầu Kè

Stt	Đơn vị hành chính	Khối lượng rác thu gom (tấn)	Tỷ lệ%
	Xã Cầu Kè		
1	Xã Hòa Ân cũ	0,921	4,20%
2	Xã Châu Điền cũ	1,042	4,75%
3	Thị trấn Cầu Kè cũ	7,294	33,25%
	Tổng cộng	9,258	

→ Vậy tổng khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn xã Cầu Kè ước tính khoảng 9,258 tấn/ngày.

Bảng 4. Khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn xã Cầu Kè giai đoạn 2026-2028

Stt	Địa giới hành chính	ĐVT	Khối lượng thực hiện (tấn/ngày)			Khối lượng thực hiện (tấn/năm)		
			2026	2027 ⁽¹⁾	2028 ⁽¹⁾	2026	2027 ⁽¹⁾	2028 ⁽¹⁾
1	Xã Cầu Kè	tấn rác	9,258	10,054	10,919	3.379,110	3.669,714	3.985,309



Dự báo khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn xã Cầu Kè

Để làm cơ sở tính toán khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn xã Cầu Kè, áp dụng phương pháp tính toán khối lượng CTRSH phát sinh theo dân số và định mức phát sinh CTRSH được quy định tại QCVN 01:2021/BXD.

Qua khảo sát, thu thập số liệu về hiện trạng dân cư, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở trên địa bàn xã Cầu Kè, đơn vị tư vấn tổng hợp khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom được tổng hợp như sau:

Bảng 5. Tổng hợp khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom

Đơn vị hành chính	Số hộ gia đình <4 người	Hộ kinh doanh	Định mức phát sinh CTRSH⁵ (kg/người.ngày)	Khối lượng CTRSH hộ gia đình được thu gom (kg/ngày)	Khối lượng CTRSH cơ sở, tổ chức, doanh nghiệp được thu gom⁶ (kg/ngày)	Tổng khối lượng CTRSH được thu gom (kg/ngày)
	(1)	(2)	(3)	(4)=[(1)*4+(2)*4]*(3)	(5)=(4)*20%	(6)=(4)+(5)
Xã Cầu Kè	1.446	634	0,8	6.656,00	1331,2	7.987,20
Tổng cộng (tấn/ngày)				6,66	1,33	7,99
Tổng cộng (tấn/năm)				2.429,44	485,89	2.915,33

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

Chọn dữ liệu CTRSH phát sinh được thu gom, vận chuyển thực tế tại bảng số 3 để làm cơ sở xác định khối lượng tính toán cho Phương án là phù hợp. Cụ thể:

- Khối lượng CTRSH phát sinh thực tế được thu gom dựa trên các tuyến đường hiện hữu và các tuyến đường nhánh dự kiến thu gom được kết nối vào tuyến đường hiện hữu trên..
- Tần suất thực hiện theo đúng nội dung Đề án được lập (01 lần/ngày).
- Khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom sẽ làm cơ sở để tính đúng và tính đủ khối lượng để phục vụ cho công tác lập dự toán, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt dự toán trong tương lai. Khi nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng hoàn thành, nhà thầu phải đính kèm phiếu cân rác hàng ngày, nhật ký thực hiện để làm cơ sở thanh toán.

⁵ Định mức phát sinh CTRSH theo QCVN 01:2021/BXD.

⁶ Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019, chuyên đề: quản lý chất thải rắn. Định mức phát sinh CTRSH tại khu vực nông thôn.

3.2. GIẢI PHÁP CẢI THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CTRSH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CẦU KÈ

3.2.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách và hoàn thiện quy định pháp luật

a. Công tác tuyên truyền, chỉ đạo, trách nhiệm của hệ thống chính trị

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về công tác phân loại rác tại nguồn, phong trào chống rác thải nhựa, chấp hành nghiêm túc giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã (tiếp tục thực hiện Theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/2/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh về Ban hành Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh).

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội tại các thị trấn, xã; gắn trách nhiệm của người đứng đầu nếu xảy ra các tồn tại, vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại xã.

b. Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn

Rà soát, bố trí, phân bổ thùng chứa rác thải sinh hoạt cho xã, đáp ứng đầy đủ đảm bảo thực hiện tốt công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường. Nghiên cứu xây dựng các điểm tập kết rác thải đảm bảo thuận tiện cho nhân dân và xe thu gom rác trong quá trình hoạt động.

c. Bố trí nguồn lực tài chính thực hiện

Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn về đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường và thu gom rác thải; tăng cường nguồn lực tài chính, tranh thủ các nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới.

Áp dụng Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/2/2022 về quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh cho đến khi có đơn giá mới.

Hàng năm, bố trí phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

d. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương với các cơ quan, đoàn thể trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn.

Xử lý nghiêm túc kịp thời đối với các trường hợp thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải không đúng quy định, không chấp hành giá dịch vụ thu, gom vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn.

Tăng cường vai trò giám sát cộng đồng trong việc tổ chức thực hiện đối với các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn, trong đó có việc giám sát việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của đơn vị thực hiện hợp đồng.

3.2.2. Giải pháp về kỹ thuật và công nghệ

Kêu gọi đầu tư, xây dựng các công trình, hệ thống xử lý CTRSH có công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại như xử lý rác thải bằng lò điện, công nghệ sinh học,...

3.3. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUẢN LÝ CTRSH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CẦU KÈ

3.3.1. Kế hoạch quản lý CTRSH trên địa bàn xã Cầu Kè

1. Phân loại CTRSH

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt đưa ra nhận diện tối đa chủng loại CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân theo 3 nhóm chất thải chính, trong đó:

Nhóm (1) CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế được nhận diện với 8 phân nhóm nhỏ gồm Giấy thải, Nhựa thải, Kim loại thải, Thủy tinh thải, Vải, đồ da, Đồ gỗ, Cao su, Thiết bị điện, điện tử thải bỏ.

Nhóm (2) Chất thải thực phẩm được nhận diện với 2 phân nhóm nhỏ gồm Thức ăn thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng, Các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn,...; Các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm; thủy, hải sản.

Nhóm (3) CTRSH khác được nhận diện với 3 phân nhóm nhỏ gồm Chất thải nguy hại, Chất thải cống kênh và Chất thải khác còn lại.

Việc phân loại CTRSH thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật về phân loại CTRSH của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 hoặc tài liệu hướng dẫn của địa phương.

2. Triển khai thực hiện thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn xã Cầu Kè

2.1. Tổng hợp khối lượng thực hiện giai đoạn 2026 – 2028

Căn cứ theo nhu cầu của địa phương, điều kiện hạ tầng kỹ thuật giao thông của xã Cầu Kè và kết quả khảo sát của đơn vị tư vấn, khối lượng thực hiện được tổng hợp như sau:

**PHƯƠNG ÁN THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI RÁC SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CẦU KÈ GIAI ĐOẠN 2026-2028
VÀ VẬN HÀNH BÃI RÁC HUYỆN CẦU KÈ GIAI ĐOẠN 2026-2028**

Bảng 6. Tổng hợp khối lượng thực hiện trên địa bàn xã Cầu Kè giai đoạn 2026-2028

Stt	TÊN CÔNG TÁC	ĐVT	Khối lượng thực hiện			GHI CHÚ
			2026	2027	2028	
1	Công tác quét, gom rác hè phố bằng thủ công. Quét hè. Đô thị loại III-V (tần suất 01 ngày/lần)	10.000m ²	209,729	209,729	209,729	
2	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác vận chuyển đến địa điểm đổ rác, cự ly 20km < L <= 25km, xe ép rác 4 tấn (tần suất 01 ngày/lần)	tấn rác	3.379,110	3.669,714	3.985,309	(1)

(Chi tiết khối lượng thực hiện tại Phụ lục đính kèm)

Ghi chú:

(1): Tỷ lệ gia tăng lượng CTRSH được thu gom hàng năm là 8,6% .

Về khối lượng CTRSH được thu gom, vận chuyển khi nghiệm thu sẽ theo đúng khối lượng thực tế được xác nhận (phiếu cân, xác nhận của địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền) tại khu vực Bãi rác.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường trong thu gom, vận chuyển CTRSH

1. Yêu cầu chung

- a) Đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông theo quy định;
- b) Ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, chất thải, cháy nổ và các sự cố khác theo quy định;
- c) Khuyến khích đầu tư, đổi mới các mô hình, công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin;
- d) Chấp hành đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác theo quy định.
- e) Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân (quần áo, giày (ủng cao su), khẩu trang, găng tay, áo phản quang, nón bảo hộ lao động,...); các phương tiện thực hiện vào ban đêm phải trang bị đèn cảnh báo, thiết bị phản quang.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường trong thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

- a) Đảm bảo tiếp nhận, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng chủng loại, lịch trình được phân công;
- b) Đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại vị trí thu gom theo quy định;
- c) Không tiếp nhận, vận chuyển chất thải vượt quá tải trọng hoặc thể tích chứa của phương tiện. Che phủ kín đối với phương tiện trong trường hợp không có nắp đậy khi di chuyển;
- d) Kịp thời khắc phục sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại và thông báo cho người có thẩm quyền theo quy định.

3. Bố trí thùng chứa CTRSH trên địa bàn xã Cầu Kè giai đoạn 2026-2028

Số lượng thùng chứa rác còn sử dụng tốt trên địa bàn xã Cầu Kè trong giai đoạn hiện tại ước tính khoảng 256 thùng (loại thùng 120 lít và thùng 240 lít).

Căn cứ theo hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của khu vực và nhu cầu của địa phương, nhà thầu cần bố trí số lượng thùng chứa rác như sau:

Bảng 7. Tổng hợp số lượng thùng chứa CTRSH trên địa bàn xã Cầu Kè giai đoạn 2026-2028

Stt	Tuyến đường	ĐVT	Số lượng thùng chứa			GHI CHÚ
			Năm 2026	Năm 2027 ⁽¹⁾	Năm 2028 ⁽¹⁾	
1	Quốc lộ 54	thùng	60	5	5	
2	Đường 30 tháng 4	thùng	15	10	10	
3	Đường huyện 29	thùng	25	5	5	
	TỔNG CỘNG	Thùng	100	20	20	
	Tổng cộng giai đoạn 2026-2028		140 thùng			

Ghi chú:

- (1): Dự kiến số thùng cần bổ sung do hư hỏng trong quá trình sử dụng.
- Số lượng, vị trí bố trí thùng phải đảm bảo theo nhu cầu sử dụng của địa phương thông qua việc thỏa thuận của nhà thầu và các Trưởng ban nhân dân ấp theo nguyên tắc thùng chứa phải đặt ở các vị trí điểm nóng, có phát sinh lượng rác lớn hàng ngày (Khu dân cư, chợ, khu hành chính tập trung,...).

Quy trình kỹ thuật thực hiện và thành phần công việc

1. Công tác quét, gom rác trên vỉa hè bằng thủ công

A. Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Di chuyển công cụ thu chứa đến nơi làm việc;
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp;
- Quét rác trên đường phố, vỉa hè, gom thành từng đồng nhỏ;
- Quét nước ứ đọng trên đường (nếu có);
- Thu gom rác thành đồng trên đường phố;
- Hót xúc rác, cát bụi vào công cụ thu chứa;
- Di chuyển công cụ thu chứa về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dùng;
- Dọn sạch rác tại các điểm tập kết sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng;
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

B. Ghi chú

- Thời gian làm việc từ 18 giờ hôm trước và kết thúc 6 giờ sáng hôm sau;
- Khối lượng diện tích quét, gom rác trên vỉa hè (đối với quét hè) và tối đa 2m lòng đường mỗi bên đường kể từ mép ngoài của rãnh thoát nước (đối với quét đường).

C. Triển khai phương án thực hiện

Bảng 8. Tổng hợp khối lượng quét vỉa hè

SỐ TT	Tuyến đường thực hiện			Chiều dài (m)	Nút giao		Chiều dài còn lại (m)	Chiều rộng quét vỉa hè mỗi bên (m)			Diện tích vỉa hè (m ²)	Số lần thực hiện (lần)	Khối lượng thực hiện (m ²)
	Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối		Lòng đường	Điểm giao		[9]	[10]	[11]=[9]+[10]			
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]=[5]-[7]*[6]	[9]	[10]	[11]=[9]+[10]	[12]=[8]*[11]	[13]	[14]=[12]*[13]
1	Đường 30 tháng 4	Ngã 3 mũi tàu (QL54-30tháng4)	Vòng xoay (giao Hương lộ 25)	1.270,0	6,0	3	1.252,0	1,5	1,5	3,0	3.756,0	365	1.370.940,0
		Vòng xoay (giao lộ HL25)	Cầu Cầu Kè	250,0	8,0	3	226,0	1,0	2,0	3,0	678,0	365	247.470,0
		Cầu Cầu Kè	Trường THCS TT Cầu Kè	680,0	8,0	3	656,0	1,0	1,0	2,0	1.312,0	365	478.880,0
TỔNG CỘNG													2.097.290,0
KHỐI LƯỢNG TÍNH THEO (10.000m²)													209,729

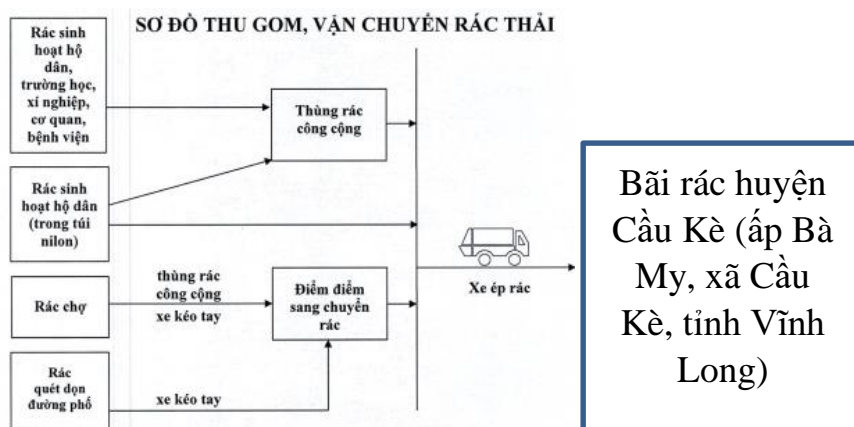
2./ Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác vận chuyển đến địa điểm đổ rác, cự ly $20\text{km} < L \leq 25\text{km}$, xe ép rác 4 tấn

A./ Thành phần công việc

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Kéo thùng trên vỉa hè đến điểm tập kết, nạp rác từ thùng vào máng hứng, ép vào xe.
- Vận hành hệ thống chuyên dùng ép rác.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi và xúc lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm tập kết rác tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe.
- Điều khiển xe về đến bãi tập kết.
- Di chuyển xe về bãi tập kết.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

B./ Triển khai phương án thực hiện

SƠ ĐỒ TUYẾN VẬN DI CHUYỂN CỦA XE THU GOM



Hình 2: Sơ đồ tuyến thực hiện của xe ép rác



Thuyết minh sơ đồ

- Xe thu gom (xe ép rác) từ bãi đổ di chuyển theo các tuyến đường để thu gom rác từ các thùng chứa rác và từ các hộ dân.
- Sau khi kết thúc chu trình thu gom (xe đầy) sẽ di chuyển về khu vực Bãi xử lý rác để bàn giao.
- Xe thu gom (xe ép rác) sẽ thực hiện lại chu trình thu gom mới.



Các tuyến đường cần đảm bảo phương tiện di chuyển thu gom, vận chuyển về nơi xử lý

Bảng 9: Tuyến đường thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã Cầu Kè

St t	Tuyến đường	Chiều dài (km)	Tần suất	Ghi chú	Địa điểm tiếp nhận xử lý
1	Quốc lộ 54	9,40	01 lần/ngày	Từ cột H6-96-QL54 đến cầu Kênh 15	Bãi rác huyện Cầu Kè (ấp Bà My, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)
2	Đường tránh Quốc lộ 54	2,30		Tuyến đường tránh – toàn tuyến	
3	Đường huyện 8	7,00		Từ Quốc lộ 54 đến chùa Tà Ôt	
4	Đường huyện 29	4,30		Tuyến đường huyện 29 – toàn tuyến	
5	Đường huyện 32	1,60		Từ Quốc lộ 54 đến Nhà thờ Bà My	
	Tổng cộng	24,6			

Ghi chú: Trong quá trình triển khai thực hiện, đơn vị trúng thầu phải lập bảng kế hoạch thực hiện chi tiết và trình chủ đầu tư phê duyệt trước khi thực hiện. Kế hoạch cần trình bày đầy đủ các nội dung sau:

- + Phương tiện thu gom (Biển số, tài xế);
- + Thời gian hoạt động (Ca sáng/trưa/chiều/tối);
- + Lộ trình chi tiết thu gom.

Yêu cầu kỹ thuật về trang thiết bị, nhân sự

Bảng 10. Yêu cầu kỹ thuật về trang thiết bị, nhân sự thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Stt	Danh mục	Số lượng (tối thiểu cần có)	Ghi chú
I	Danh mục thiết bị chủ chốt		
1	Xe ép rác chuyên dùng tải trọng ≤4T	01	Có đầy đủ giấy chứng nhận, đăng kiểm hợp lệ, còn hiệu lực
2	Xe thu gom rác đẩy tay tối thiểu 500L	10	Còn tốt, đảm bảo không bị rò rỉ khi sử dụng
3	Thùng chứa rác loại 240L	100	Còn tốt, đảm bảo không bị rò rỉ khi sử dụng
II	Nhân sự chủ chốt		
1	Quản lý chung / Chỉ huy trưởng	01	Có chuyên ngành về môi trường, chứng chỉ ATLĐ do cơ quan chức năng cấp
2	Tổ trưởng	01	Có chuyên ngành về môi trường, chứng chỉ ATLĐ do cơ quan chức năng cấp
3	Cán bộ thu giá dịch vụ	01	-

1.3. Thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển

Đối tượng thu, nộp và mức thu:

- Thu giá dịch vụ: Là khoản thu nhằm bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn.

- Đối tượng nộp: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được đơn vị thu gom, vận chuyển thải sinh hoạt phục vụ.

- Mức thu, áp dụng cho từng đối tượng theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Bảng 11: Tổng hợp số lượng các đối tượng thu giá dịch vụ trên địa bàn xã Cầu Kè

STT	Đối tượng thu	Số lượng (đơn vị)
I	Hộ gia đình	1.446
1	Hộ gia đình có ≤ 4 người	1.446
2	Hộ gia đình > 4 người	-
II	Tổ chức /cơ sở dịch vụ	634
1	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	
1.1	Nhà trọ	
	Từ 1- 10 phòng	13
	Từ 11 - 20 phòng	-
	Từ 21 phòng trở lên	-
1.2	Khách sạn; nhà nghỉ không có dịch vụ ăn uống	
	Từ 1- 10 phòng	-
	Từ 11 - 20 phòng	6
	Từ 21 phòng trở lên	-
1.3	Khách sạn; nhà nghỉ có dịch vụ ăn uống	
	Từ 1- 10 phòng	-
	Từ 11 - 20 phòng	7
	Từ 21 phòng trở lên	-
1.4	Dịch vụ ăn uống	
	Diện tích $\leq 15 m^2$	40
	Diện tích từ $15 m^2 - 30 m^2$	1
	Diện tích từ $30 m^2 - 50 m^2$	2

STT	Đối tượng thu	Số lượng (đơn vị)
	<i>Diện tích > 50 m²</i>	2
2	Cơ sở y tế	
2.1	Phòng khám đa khoa	-
2.2	Phòng khám tư nhân	18
3	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	
	-Trung tâm thương mại, siêu thị	-
	-Khu du lịch, khu vui chơi giải trí có dịch vụ ăn uống	-
	-Khu du lịch, khu vui chơi giải trí không có dịch vụ ăn uống	-
	-Các loại hình kinh doanh dịch vụ giải trí khác	-
4	Bán buôn và bán lẻ	
4.1	Hộ kinh doanh cá thể	
	<i>Diện tích ≤ 5 m²</i>	448
	<i>Diện tích từ 5m²- 20 m²</i>	-
	<i>Diện tích > 20 m²</i>	-
4.2	Hộ vừa rau , quả	
	<i>Diện tích ≤ 5 m²</i>	-
	<i>Diện tích từ 5m²- 20 m²</i>	-
	<i>Diện tích > 20 m²</i>	-
5	Doanh nghiệp, công ty	
	Có 10 người trở xuống	97
	Từ 11 người -50 người	-
	Từ 51 người -200 người	-
	Từ 201 người -400 người	-
	Từ 401 người -600 người	-
	Từ 601 người -800 người	-
	Từ 801 người -1000 người	-
	Từ 1001 người -2000 người	-
	Từ 2001 người -4000 người	-
	Từ 4001 người -6000 người	-
	Từ 6001 người -8000 người	-
	Từ 8001 người -10000 người	-
	Từ 10000 người trở lên	-

STT	Đối tượng thu	Số lượng (đơn vị)
III	Cơ quan, tổ chức hành chính	20
6	Cơ sở y tế	
6.1	Các trạm y tế xã, phường thị trấn	2
6.2	<i>Bệnh viện/bệnh viện đa khoa khu vực trung tâm y tế</i>	
	Có 50 giường trở xuống	1
	Từ 51-100 giường	-
	Từ 101-200 giường	-
	Từ 201-300 giường	-
	Từ 301-400 giường	-
	Từ 401-500 giường	-
	Từ 501 giường trở lên	-
7	Giao thông vận tải	
	-Bến xe	1
	-Bến phà	-
8	Giáo dục và đào tạo	
8.1	Trường học có hoạt động bán trú	
	Có 100 học sinh trở xuống	-
	Từ 101 học sinh -300 học sinh	1
	Từ 301 học sinh -500 học sinh	1
	Từ 501 học sinh -700 học sinh	-
	Từ 701 học sinh -1000 học sinh	-
	Từ 1001 học sinh -1500 học sinh	-
	Từ 1501 trở lên	-
8.2	Trường học không có hoạt động bán trú	
	Có 100 học sinh trở xuống	-
	Từ 101 học sinh -300 học sinh	7
	Từ 301 học sinh -500 học sinh	2
	Từ 501 học sinh -700 học sinh	1
	Từ 701 học sinh -1000 học sinh	-
	Từ 1001 học sinh -1500 học sinh	-
	Từ 1501 trở lên	
8.3	Ký túc xá	

STT	Đối tượng thu	Số lượng (đơn vị)
	Dưới 10.000 chỗ	-
	Từ 10.000 chỗ trở lên	-
9	Cơ quan, đơn vị sự nghiệp	
	Cơ quan, đơn vị sự nghiệp	4

Tổng giá trị thu giá dịch vụ trên địa bàn xã Cầu Kè trong năm 2026 dự kiến là 735.690.000 đồng (Đã bao gồm thuế VAT). Tổng giá trị thu giá dịch vụ giai đoạn 2026-2028 là 2.207.070.000 đồng.

* Giá trị thu giá dịch vụ trên địa bàn xã Cầu Kè hàng tháng là: 61.307.500 đồng.

3.4. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kinh tế xã

- Là cơ quan đầu mối, đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện đảm bảo tiến độ, mục tiêu đề ra; báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai các nội dung của Phương án. Chủ trì phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan, tham mưu cho UBND xã tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Phương án.

- Tham mưu cho UBND xã trong công tác lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, nghiệm thu khối lượng thực hiện và thanh toán chi phí thực hiện cho đơn vị trúng thầu theo nguồn vốn phân bổ (phần kinh phí ngân sách cấp bù).

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành xã có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về BVMT tại các cơ sở thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn xã.

- Phối hợp Phòng Văn hóa – Xã hội xã tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân biết Luật Bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho nhân dân; vận động, thuyết phục nhân dân đăng ký thu gom chất thải rắn, chất thải sinh hoạt để đảm bảo xử lý đúng nơi quy định, thực hiện ý thức thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào thùng chứa để thuận lợi cho công tác thu gom nhằm phát huy hiệu quả.

- Phối hợp với các đơn vị truyền thông, các tổ chức chính trị xã hội xây dựng kế hoạch phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng hình thành thói quen phân loại CTRSH tại nguồn, lối sống thân thiện với môi trường, góp phần giảm lượng chất thải rắn phát sinh tại nguồn (sử dụng sản phẩm tái sinh, dễ phân hủy, hạn chế sử dụng túi nilon khó phân hủy trong sinh hoạt hàng ngày).

2. Phòng Văn hóa – Xã hội xã

- Rà soát, cập nhật, lồng ghép nội dung quản lý CTR vào quy chế quản lý các khu vực công cộng trên địa bàn xã. Phổ biến, tuyên truyền các nội dung về giữ gìn vệ sinh môi trường bằng các hình ảnh trực quan như pa-nô, áp phích/biểu trưng thông điệp giữ gìn vệ sinh môi trường tại các địa điểm tập trung đông người trên địa bàn xã.

- Phổ biến các tin, bài liên quan đến các quy định về quản lý CTR; tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật về quản lý CTR và bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với Phòng Kinh tế xã tổ chức đăng tải lên Trang thông tin điện tử xã các thông tin về nội dung Phương án và cách thức tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2026-2028 đến cộng đồng; các mô hình hay, cách làm hiệu quả về phân loại rác tại nguồn; xây dựng các chuyên mục, tin bài phản ánh các hành vi vi phạm quy định về phân loại, xử lý rác thải.

3. Trưởng Ban nhân dân ấp

- Tăng cường công tác tuyên truyền đến người dân, cộng đồng dân cư, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt nhằm bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe cho người dân, cũng như các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với đơn vị trúng thầu tổ chức bố trí thùng chứa rác hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bỏ rác đúng quy định và đơn vị thu gom vận chuyển rác thu gom dễ dàng. Thường xuyên rà soát, đề xuất với đơn vị trúng thầu thực hiện sửa chữa, thay thế thùng rác bị hư hỏng, không còn sử dụng được trên các tuyến đường theo phương án đề ra.

- Niêm yết Đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt công khai tại UBND xã, Nhà văn hóa ấp.

- Niêm yết công khai số điện thoại đường dây nóng của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để tiếp thu phản ánh của người dân;

- Theo dõi, giám sát quá trình thực hiện thu gom rác, xử lý rác của đơn vị trúng thầu thường xuyên để kịp thời báo cáo đến Phòng Kinh tế xã, Ủy ban nhân dân xã khi phát hiện đơn vị trúng thầu thực hiện chưa đúng các nội dung theo Phương án được duyệt.

- Vận động các cá nhân, tổ chức trên địa bàn xã thực hiện tốt công tác đóng phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH.

- Hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom CTRSH; giáo dục, xử phạt theo quy định.

4. Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (đơn vị trúng thầu)

- Tổ chức thực hiện công việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các thùng chứa đã bố trí dọc theo các tuyến đường và nhà dân; thu gom, vận chuyển phải thực hiện và quét dọn rác thải sinh hoạt rơi vãi tại điểm tập kết, vệ sinh thùng chứa đảm bảo giữ vệ sinh môi trường, hạn chế mùi hôi.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể, sắp xếp, bố trí thời gian và tuân thủ quy trình thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; hạn chế thu gom, vận chuyển vào giờ cao điểm và phải đảm bảo thường xuyên, liên tục, không để tồn đọng rác thải tại điểm tập kết trong nhiều ngày gây mùi hôi; đề ra quy chế hoạt động và báo cáo lịch trình thu gom về cơ quan quản lý biết để giám sát, kiểm tra.

- Phối hợp với các Trưởng Ban nhân dân ấp để thông báo rộng rãi cho nhân dân trong khu vực về lịch thu gom, vận chuyển để phối hợp thực hiện đạt

hiệu quả. Đảm bảo tần suất công việc thu gom, vận chuyển tuân thủ theo phương án và hợp đồng ký kết với chủ đầu tư, có thể điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế nhưng phải đảm bảo thu gom hết toàn bộ rác thải sinh hoạt dọc theo các tuyến đường và điểm tập kết.

- Tổ chức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; Định kỳ báo cáo tổng số tiền thu được về Phòng Kinh tế xã và Ủy ban nhân dân xã.

- Đảm bảo trang bị đúng và đầy đủ các phương tiện, thiết bị theo nội dung Phương án được duyệt.

- Ưu tiên sử dụng các loại phương tiện, thiết bị sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường;

- Lập nhật ký thu gom, vận chuyển và bảng xác nhận về khối lượng CTRSH được thu gom vận chuyển về Bãi rác xã Cầu Kè.

***Chế độ báo cáo:**

Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, vận hành bãi chôn lấp chịu trách nhiệm báo cáo các nội dung sau:

- Báo cáo đến Ủy ban nhân dân xã (thông qua Phòng Kinh tế xã) về khối lượng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hàng tháng (từ ngày 01 đến ngày 05 mỗi tháng).

- Báo cáo kịp thời các vướng mắc, khó khăn trong công tác vận hành đến Ủy ban nhân dân xã (thông qua Phòng Kinh tế xã) để được xem xét, tháo gỡ.

5. Đơn vị TVGS xử lý và vận hành Bãi rác huyện Cầu Kè

- Xây dựng kế hoạch giám sát theo nội dung thực hiện của nhà thầu, báo cáo đến chủ đầu tư định kỳ hoặc đột xuất (nếu có) để làm cơ sở kiểm tra, xử lý khi phát hiện vi phạm và làm cơ sở nghiệm thu khối lượng thực hiện của nhà thầu;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, lập biên bản hiện trường khi phát hiện các vấn đề về môi trường phát sinh, báo cáo đến Phòng Kinh tế xã (Ủy ban nhân dân xã Cầu Kè) để có hướng xử lý.

*** Chế độ báo cáo:**

- Báo cáo đến Phòng Kinh tế về khối lượng thực hiện của nhà thầu trong tháng, các tồn đọng và khắc phục (nếu có) (từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng).

- Báo cáo kịp thời các vướng mắc, khó khăn trong công tác vận hành đến Phòng Kinh tế xem xét để báo cáo đến cơ quan chức năng xử lý.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.